

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2020

*“Ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ - TỈNH HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Sỹ Thái;
2. Bà Bùi Thị Hoài Thanh;

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cù.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, Xã T, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã P, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên;

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quang T, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang T kết hôn ngày 17/12/1978 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, tổ chức đám cưới ngày 18/11/1978 âm lịch. Sau đám cưới, ông T đón bà về nhà chồng ở ngay, bà L ở quê cùng bố mẹ chồng ở thôn Trà Bò, xã P còn ông T đi bộ đội. Đến năm 1983,

vợ chồng mua đất và chuyển ra ở riêng tại đất ở thôn B, xã P. Năm 1985, ông T ra quân, về quê sinh sống. Vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bất đồng quan điểm trong các vấn đề trong cuộc sống gia đình, vấn đề con cái, tính cách không phù hợp nên từ đó cuộc sống không hạnh phúc tuy nhiên bà L vẫn nhẫn nhịn, cam chịu để cuộc sống êm ấm. Đến năm 2004, ông T tuyên bố với mẹ con bà là ăn riêng, mẹ con bà tự lo cuộc sống, hai bên không liên quan gì đến nhau, chính vì vậy nên bà L và các con chuyển về quê ngoại thuê nhà trọ ở, làm ăn, chỗ ở không cố định nhưng tết đến vẫn về nhà ăn tết. Cũng từ năm 2004 cho đến nay, bà L và ông T sống ly thân, kinh tế riêng biệt, không có cuộc sống chung. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông T không đến tìm đón mẹ con bà lần nào mà còn về quê bôi xấu danh dự và đe dọa bà L. Đến nay bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có hai con chung là Đỗ Thanh B, sinh năm 1979 và Đỗ Thị Thúy M, sinh năm 1992; hiện nay cả hai con đã trưởng thành, tự lập được nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với con chung.

- Về chia tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đỗ Quang T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thừa nhận quan hệ hôn nhân như nội dung bà L trình bày là đúng, tuy nhiên việc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bà L bắt ông T về quê ngoại sinh sống nhưng ông không đồng ý, từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, nay ông mong muốn bà quay lại chung sống, không nhất trí ly hôn.

Về con chung và tài sản chung như nội dung bà L trình bày là phù hợp, ông không có ý kiến. Ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Ông T và bà L cũng không nợ ai tài sản gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung gì. Bà L xác định hai vợ chồng bà không còn tình cảm, nghĩa vụ trách nhiệm gì với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, tự lập được; không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về chia tài sản: Bà L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đỗ Quang T. Về con chung và về chia tài sản: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/12/2019, ông T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Quang T kết hôn tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/1978 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Nay bà L có yêu cầu ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét quá trình chung sống, giữa bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù không phải là mâu thuẫn lớn, nhưng thời gian hai người sống ly thân đã lâu, tự các bên không tìm được cách khắc phục, hai bên chỉ biết lo cho cuộc sống riêng của mỗi người mà không thực sự mong muốn xây dựng cuộc sống chung, bà L không quay về, ông T cũng không tìm, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các bên cũng không mong muốn gặp nhau để hòa giải, do đó thấy rằng cả hai bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, tình trạng vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể duy trì hôn nhân, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, chấm dứt quan hệ hôn nhân để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có hai con chung là anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1979 và Đỗ Thị Thúy M, sinh năm 1992. Các con chung đã tự lập, trưởng thành. Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đỗ Quang T.

2. Về con chung: Bà L và ông T có hai con chung là anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1979 và Đỗ Thị Thúy M, sinh năm 1992. Các con chung đã tự lập, trưởng thành. Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005912 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Phù Cừ;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Duy Phụng**